

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST  
Ngày 26-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Bà Bùi Thuý Mở

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phùng Thế Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thuý- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 374/TB-TA ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam; địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc C, bà Lưu Ngọc Q; nơi cư trú: quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, là đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 0931 ngày 03-5-2024) Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M, cùng nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- **Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1981; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; là đại diện theo uỷ quyền. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị X; cùng nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên Thành phố Hải Phòng. Ông H vắng mặt, bà X có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn Hải, bà Lê Thị M có ký các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 136A/HĐTD1-VIB060/13 ngày 14-6-2013, theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng giải ngân cho ông Hải bà M vay bằng 02 khế ước nhận nợ, Khế ước nhận nợ ngày 24-02-2014 cho vay số tiền 80.000.000 đồng, khế ước nhận nợ ngày 26-02-2014 cho vay số tiền 80.000.000 đồng. mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh hàng phế liệu, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất cho vay: 13,29% năm. Phương thức trả nợ: Nợ lãi trả hàng tháng vào ngày 15, nợ gốc trả vào ngày 26-8-2013. Hợp đồng tín dụng số 136B/HĐTD1-VIB060/13 ngày 14-6-2013, Ngân hàng giải ngân theo khế ước nhận nợ ngày 29-8-2013 cho ông Hải, bà M vay số tiền 300.000.000 đồng. Mục đích vay: Xây nhà, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 29-8-2013, lãi suất cho vay bằng 13,79%/năm kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, điều chỉnh 3 tháng /lần, lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất cho vay của sản phẩm bất động sản do VIB công bố tại thời điểm điều chỉnh. Phương thức trả nợ: Trả nợ lãi vào ngày 15 hàng tháng, nợ gốc 03 tháng/1 lần, mỗi lần 25.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 127C, tờ bản đồ 01 tại thôn Núi, xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Hà, bà Nguyễn Thị Xe theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số 136A/060/013 ngày 27 tháng 8 năm 2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hải, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, để nợ quá hạn từ ngày 24-8-2014. Năm 2015, ông Hải bà M không trả được nợ, ông Hà, bà Xe đã bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng bán phát mại để thu hồi nợ, năm 2018 Ngân hàng đã bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ nhưng số tiền thu được từ việc bán tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho ông Hải bà M. Tính đến ngày 26-9-2024 ông Hải bà M còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 761.163.652 đồng, trong đó nợ gốc là 210.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 33.148.809 đồng, nợ lãi quá hạn là 517.514.843 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hải, bà M phải trả toàn bộ số nợ nêu trên và tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong. Trong trường hợp ông Hải, bà M không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền kê biên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Hải, bà M để thu hồi nợ.

*Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:* Ông Nguyễn Văn Hải và bà Lê Thị M có ký các hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày là đúng, Trong năm đầu tiên sau khi vay tiền, ông Hải, bà M đã trả được 85.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi kèm theo, cụ thể số tiền nợ gốc, nợ lãi đã trả là bao nhiêu ông Hải không nhớ. Để đảm bảo cho số tiền vay, ông Nguyễn Văn Hà, bà Nguyễn Thị Xe đã ký

hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 127C, tờ bản đồ 01 tại thôn Núi, xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên đã được UBND huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 877442 số vào sổ CH00314 ngày 18-4-2013 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Hà, bà Nguyễn Thị Xe. Năm 2017, khi không thực hiện được trả nợ, ông Hà, bà Xe đã đồng ý bàn giao tài sản thế chấp nên trên cho Ngân hàng để bán thu hồi nợ. Ông Hà, bà Xe tự nguyện bàn giao tài sản cho Ngân hàng bán để trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi còn lại của ông Hải, bà M theo Hợp đồng tín dụng số 136A/HĐTD1-VIB060/13 ngày 14 tháng 6 năm 2013 và hợp đồng tín dụng số 136B/HĐTD1-VIB060/13 ngày 14 tháng 6 năm 2013 mà ông Hải bà M đã ký với Ngân hàng. Toàn bộ số nợ, gốc nợ lãi còn lại của ông Hải bà M đã được thanh toán xong từ khi ông Hà, bà Xe bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng.

Sau khi ông Hà, bà Xe bàn giao tài sản cho Ngân hàng để phát mại, ông Hải, bà M không nhận được bất kỳ thông báo nào của Ngân hàng về việc bán phát mại tài sản, cũng như bán tài sản được bao nhiêu tiền, và thu hồi trả vào nợ gốc của nợ lãi của ông Hải bà M là bao nhiêu và Thông báo của Ngân hàng về việc ông Hải, bà M còn nợ theo hợp đồng tín dụng hay thông báo yêu cầu trả nợ. Quan điểm của ông Hải, bà M không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Xe trình bày:* Để đảm bảo cho các khoản vay của ông Nguyễn Văn Hải, bà Lê Thị M theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, năm 2013 bà và chồng là Nguyễn Văn Hà đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 136/A/060/013 ngày 27 tháng 8 năm 2013 với Ngân hàng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BN 877442 số vào sổ CH00314 ngày 18-4-2013 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Hà, bà Nguyễn Thị Xe. Trong quá trình thực hiện trả nợ, ông Hải, bà M đã trả góp được hàng tháng trong 1 năm. Đến năm 2015, khi ông Hải, bà M không thực hiện được trả nợ, ông Hà, bà Xe đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để bán trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi còn lại của ông Hải, bà M. Sau khi bàn giao tài sản cho Ngân hàng để phát mại, ông Hà, bà Xe không nhận được bất kỳ thông báo nào của Ngân hàng bán tài sản được bao nhiêu tiền, và thu hồi trả vào nợ gốc của nợ lãi của ông Hải bà M là bao nhiêu. Gia đình không nhận được thông báo của Ngân hàng về việc sau khi bán tài sản phát mại thì ông Hải, bà M vẫn còn nợ Ngân hàng.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án cơ bản theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 123, 124, 290, 323, 342, 343, 347, 351, 355, 471, 474, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 210 Luật các tổ

chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc, nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Không chấp nhận yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng ký giữa nguyên đơn với bị đơn có mục đích bổ sung vốn kinh doanh phê liệu và xây nhà nên được xác định là tranh chấp dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn: Các hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng và bị đơn đã ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày sau khi bị đơn không trả được nợ, gia đình đã bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để bán trả nợ. Khoản nợ của ông Hải, bà M đã được thanh toán hết khi bàn giao tài sản cho Ngân hàng. Ngoài lời trình bày trên, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh các bên thỏa thuận bàn giao tài sản để khấu trừ toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bị đơn cũng như không chứng minh được tại thời điểm bán tài sản thế chấp, số tiền thu được đã thanh toán toàn bộ khoản nợ cho bị đơn. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, tài sản thế chấp đã bán được là 190.000.000 đồng, sau khi trừ đi các chi phí bán tài sản số tiền còn lại là 174.500.000 đồng. Số tiền này Ngân hàng đã chuyển trả vào số tiền nợ gốc của bị đơn. Tính đến ngày 26-9-2024, ông Hải bà M còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 761.163.652 đồng, trong đó nợ gốc là 210.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 33.148.809 đồng, nợ lãi quá hạn là 517.514.843 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hải, bà M trả số nợ nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Hải, bà Lê Thị M: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, năm 2015 người thế chấp đã tự nguyện bàn giao tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng bán phát mại để thu hồi nợ. Hiện nay không còn tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng nêu trên nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Hải, bà Lê Thị M để thu hồi nợ.

[4] Về án phí: Ông Hải, bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 116, 117, 299, 303, 304, 307, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam: Buộc ông Nguyễn Văn Hải, bà Lê Thị M phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 136A/HĐTD1-VIB060/13 ngày 14-6-2013, Hợp đồng tín dụng số 136B/HĐTD1-VIB060/13 ngày 14-6-2013 tổng số tiền tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2024 là 761.163.652 đồng, trong đó nợ gốc là 210.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 33.148.809 đồng, nợ lãi quá hạn là 517.514.843 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam về việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Hải, bà Lê Thị M để thu hồi nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Hải, bà Lê Thị M. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 7.700.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0008348 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai**